

TÀI LIỆU MINH HỌA BÁN HÀNG
SẢN PHẨM BẢO HIỂM

AN PHÚC HƯNG THỊNH TOÀN DIỆN



BẢO VỆ TÀI CHÍNH



- **Bảo vệ tài chính** trước rủi ro tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn
- **Ứng trước lên đến 30.000.000 đồng** chu toàn hậu sự khi tử vong.

TÍCH LŨY TÀI CHÍNH



- **Tích lũy hiệu quả** với Lãi suất đảm bảo.
- **Gia tăng tích lũy** với Quyền lợi tiền mặt định kỳ tích lũy.
- **Nhận Giá trị hợp đồng** khi Đáo hạn hợp đồng.

SCAN QR CODE ĐỂ THAM KHẢO THÊM THÔNG TIN



Trang thông tin sản phẩm (bao gồm
Quy tắc và Điều khoản sản phẩm)



Công cụ tính phí - Xây dựng
kế hoạch bảo hiểm



Ứng dụng **Dai-ichi Connect**
hỗ trợ quản lý hợp đồng

THÔNG TIN LIÊN HỆ

🏢 Trung tâm Dịch vụ Khách hàng: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

☎ Hotline: (028) 3810 0888 - Bấm phím 1

📠 Fax: (028) 3997 3000

🌐 Website: <https://dai-ichi-life.com.vn>

✉ Email: customer.services@dai-ichi-life.com.vn



TRANG THÔNG TIN

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm sức khỏe, Tái bảo hiểm và Đầu tư vốn theo Giấy phép đầu tư số 2134/GP do Bộ KH - ĐT cấp ngày 12/10/1999 và Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC10/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/01/2007; Vốn điều lệ: gần 9.800 tỷ đồng; Trụ sở chính: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

| | | Họ và tên | Giới tính | Tuổi tham gia bảo hiểm | Nhóm nghề nghiệp |
|---------------------------|---------------|--------------|-----------|------------------------|------------------|
| Bên mua bảo hiểm | BMBH | Nguyễn Văn A | Nam | 37 | 1 |
| Người được bảo hiểm chính | NDBH.1 | Trần Ngọc B | Nữ | 30 | 1 |

THÔNG TIN CHUNG

| Lựa chọn thời hạn đóng phí của sản phẩm chính | Sản phẩm | Số tiền bảo hiểm | Thời hạn bảo hiểm (năm) | Thời hạn đóng phí (năm) | Phí bảo hiểm và Định kỳ đóng Phí bảo hiểm dự tính | | |
|---|--|------------------|-------------------------|-------------------------|---|-------------------|-------------------|
| | | | | | Năm | Nửa năm | Quý |
| <input type="checkbox"/> Lựa chọn 1 Thời hạn đóng phí bằng thời hạn hợp đồng | Sản phẩm chính | | | | | | |
| | NDBH.1 - Trần Ngọc B | | | | | | |
| | Sản phẩm bảo hiểm An Phúc Hưng Thịnh Toàn Diện | 1.000.000.000 | 15 | 15 | 48.180.000 | 25.294.500 | 13.249.500 |
| | Sản phẩm bổ sung/bổ trợ | | | | | | |
| | NDBH.1 - Trần Ngọc B | | | | | | |
| BH Tai Nạn Cao Cấp | 300.000.000 | 15 | 15 | 1.000.000 | 525.000 | 275.000 | |
| BH Hỗ Trợ Viện Phí (I) | 100.000 | gia hạn hàng năm | gia hạn hàng năm | 225.000 | 118.100 | 61.900 | |
| Tổng cộng | | | | | 49.405.000 | 25.937.600 | 13.586.400 |

| | | | | | | | | |
|--|--|------------------|------------------|--------------------|-------------------|-------------------|------------|--|
| <input type="checkbox"/> Lựa chọn 2 Thời hạn đóng phí ngắn hạn (2/3 thời hạn hợp đồng) | Sản phẩm chính | | | | | | | |
| | NDBH.1 - Trần Ngọc B | | | | | | | |
| | Sản phẩm bảo hiểm An Phúc Hưng Thịnh Toàn Diện | 1.000.000.000 | 15 | 10 | 64.560.000 | 33.894.000 | 17.754.000 | |
| | Sản phẩm bổ sung/bổ trợ | | | | | | | |
| | NDBH.1 - Trần Ngọc B | | | | | | | |
| BH Tai Nạn Cao Cấp | 300.000.000 | 15 | 10 | 1.180.000 | 619.500 | 324.500 | | |
| BH Hỗ Trợ Viện Phí (1) | 100.000 | gia hạn hàng năm | gia hạn hàng năm | 225.000 | 118.100 | 61.900 | | |
| Tổng cộng | | | | 65.965.000 | 34.631.600 | 18.140.400 | | |
| <input type="checkbox"/> Lựa chọn 3 Thời hạn đóng phí ngắn hạn (1/3 thời hạn hợp đồng) | Sản phẩm chính | | | | | | | |
| | NDBH.1 - Trần Ngọc B | | | | | | | |
| | Sản phẩm bảo hiểm An Phúc Hưng Thịnh Toàn Diện | 1.000.000.000 | 15 | 5 | 116.600.000 | 61.215.000 | 32.065.000 | |
| | Sản phẩm bổ sung/bổ trợ | | | | | | | |
| | NDBH.1 - Trần Ngọc B | | | | | | | |
| BH Tai Nạn Cao Cấp | 300.000.000 | 15 | 5 | 1.720.000 | 903.000 | 473.000 | | |
| BH Hỗ Trợ Viện Phí (1) | 100.000 | gia hạn hàng năm | gia hạn hàng năm | 225.000 | 118.100 | 61.900 | | |
| Tổng cộng | | | | 118.545.000 | 62.236.100 | 32.599.900 | | |

Ghi chú:

- Phí bảo hiểm trên đây được tính toán trên giả định cho người có sức khỏe bình thường. Phí bảo hiểm thực tế sẽ dựa trên thông tin sức khỏe do BMBH/NDBH cung cấp, lịch sử khám, chữa bệnh của BMBH/NDBH, các đặc điểm khác hoặc kết quả thăm định của Dai-ichi Life Việt Nam.
- Nhóm nghề nghiệp trên đây có thể được điều chỉnh theo quyết định thăm định của Dai-ichi Life Việt Nam.
- Phí bảo hiểm theo định kỳ Nửa năm, Quý được tính dựa trên hệ số điều chỉnh phí của định kỳ đóng phí tương ứng, áp dụng tại thời điểm hiện tại. Hệ số này có thể thay đổi tùy theo quyết định của Dai-ichi Life Việt Nam tại từng thời điểm sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

- Sản phẩm An Phúc Hưng Thịnh Toàn Diện được phê duyệt theo công văn số 7601/BTC-QLBH ngày 09/06/2014 và công văn số 13375/BTC-QLBH ngày 23/09/2014, công văn số 4616/BTC-QLBH ngày 20/04/2018, công văn số 623/BTC-QLBH ngày 16/01/2020 và công văn số 11277/BTC-QLBH ngày 01/11/2022 của Bộ Tài chính.

(1) Thời hạn bảo hiểm là 01 (một) năm và được gia hạn hàng năm cho đến khi (i) sản phẩm này chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm này hoặc (ii) kết thúc thời hạn đóng phí của sản phẩm chính (tùy ngày nào đến trước). Phí bảo hiểm của sản phẩm sẽ thay đổi hàng năm vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng theo Tuổi bảo hiểm của Người được bảo hiểm.

Bảng phí bảo hiểm định kỳ năm:

(Đơn vị tính: nghìn đồng)

| Lần gia hạn Hợp đồng | Tham gia đầu tiên | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
|----------------------|-------------------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| BH Hỗ Trợ Viện Phí | 225 | 225 | 225 | 225 | 225 | 225 | 225 | 225 | 225 | 225 | 225 | 290 | 290 | 290 | 290 |

- Số tiền thể hiện ở trên là tổng Phí bảo hiểm của tất cả những Người được bảo hiểm tham gia của từng sản phẩm bổ sung/bổ trợ.

THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM CÁ NHÂN

Họ và tên Đại lý bảo hiểm cá nhân: Product Dummy Agent

Mã số đại lý: 158424

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO HIỂM AN PHÚC HƯNG THỊNH TOÀN DIỆN

STBH: Số tiền bảo hiểm

NĐBH: Người được bảo hiểm

QLBH: Quyền lợi bảo hiểm

| QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (Quyền lợi được đảm bảo) | SỰ KIỆN BẢO HIỂM/ ĐIỀU KIỆN NHẬN QUYỀN LỢI | QUYỀN LỢI |
|--|---|--|
| QLBH Tử vong | NĐBH chính tử vong. | Nhận giá trị lớn nhất của một trong ba khoản: STBH cộng với Khoản giá trị chênh lệch chia thêm hoặc Giá trị hoàn lại hoặc Tổng phí bảo hiểm đã đóng cho sản phẩm này, trừ đi các Khoản nợ (nếu có) |
| QLBH Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn | NĐBH chính bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước hoặc vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng ngay sau khi đạt tuổi 65 | Nhận giá trị lớn nhất của một trong ba khoản: STBH cộng với Khoản giá trị chênh lệch chia thêm hoặc Giá trị hoàn lại hoặc Tổng phí bảo hiểm đã đóng cho sản phẩm này, trừ đi các Khoản nợ (nếu có) |
| QLBH Chu toàn hậu sự | Ngay khi nhận được yêu cầu giải quyết QLBH Tử vong <i>Điều kiện:</i> <ul style="list-style-type: none">Sự kiện tử vong xảy ra sau 01 năm kể từ ngày hiệu lực hợp đồng hoặc ngày Hợp đồng bảo hiểm được chấp thuận khôi phục gần nhất, tùy ngày nào xảy ra sau; vàNguyên nhân tử vong không nằm trong các trường hợp loại trừ bảo hiểm | Ứng trước 10% QLBH Tử vong và tối đa 30 triệu đồng. |
| QUYỀN LỢI KHÁC (Quyền lợi được đảm bảo) | | |
| Quyền lợi tiền mặt định kỳ | Vào Ngày kỷ niệm hợp đồng của mỗi 3 năm hợp đồng | Nhận một Khoản tiền mặt định kỳ. Quyền lợi tiền mặt định kỳ này sẽ được tính theo tỷ lệ % trên tổng Phí bảo hiểm chuẩn của 3 (ba) năm hợp đồng gần nhất theo hợp đồng có thời hạn đóng phí bằng thời hạn hợp đồng. |
| Quyền lợi Đáo hạn | Ngày đáo hạn hợp đồng bảo hiểm | Nhận Giá trị hợp đồng sau khi trừ đi các khoản nợ (nếu có). |

Ghi chú: Để biết thêm chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả, vui lòng tham khảo quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm được công khai tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn/> hoặc Quy tắc và Điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA (CÁC) SẢN PHẨM BỔ SUNG/BỔ TRỢ

STBH: Số tiền bảo hiểm

NDBH: Người được bảo hiểm

QLBH: Quyền lợi bảo hiểm

| SẢN PHẨM | QUYỀN LỢI BẢO HIỂM ĐƯỢC ĐẢM BẢO | |
|--|--|---|
| BẢO HIỂM TAI NẠN CAO CẤP | QLBH Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do tai nạn | Nhận 100% STBH. |
| | QLBH Tử vong do tai nạn đặc biệt | Nhận 200% STBH. |
| | QLBH Thương tật do tai nạn | Nhận tỷ lệ % STBH theo bảng sự kiện và tỷ lệ thanh toán. |
| | QLBH Hỗ trợ viện phí do tai nạn | Nhận 200.000 đồng cho mỗi ngày nằm viện điều trị nội trú. |
| BẢO HIỂM HỖ TRỢ VIỆN PHÍ | QLBH Hỗ trợ viện phí | Nhận 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện. Tối đa 20 ngày/đợt nằm viện, 100 ngày/năm hợp đồng không vượt quá 1.000 ngày trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này. |
| | QLBH Hỗ trợ điều trị tại khoa/phòng chăm sóc đặc biệt | Thêm 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện điều trị tại khoa/phòng chăm sóc đặc biệt. Tối đa 10 ngày/đợt nằm viện và 50 ngày/Năm hợp đồng và không vượt quá 500 ngày nằm viện trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này. |
| | QLBH Hỗ trợ chi phí phẫu thuật | Thêm 500% STBH cho mỗi lần nằm viện có phẫu thuật. Tối đa 1 lần phẫu thuật/đợt nằm viện, 5 lần phẫu thuật/Năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này. |
| | QLBH Điều trị tại khoa/phòng cấp cứu do tai nạn | Thêm 100% STBH cho mỗi lần nằm viện có điều trị tại khoa/phòng cấp cứu do tai nạn. Tối đa 1 lần điều trị/đợt nằm viện, 5 lần điều trị/năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này. |
| | Hỗ trợ điều trị ngoại trú | 100% STBH cho mỗi lần lọc thận hoặc hóa trị/xạ trị ung thư. Tối đa 100 lần điều trị/năm hợp đồng và không vượt quá 1.000 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này. |
| <i>Lưu ý: Tổng các quyền lợi bảo hiểm được chi trả của sản phẩm này không vượt quá 1.000 lần Số tiền bảo hiểm.</i> | | |

Ghi chú: Để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi của các sản phẩm bảo hiểm bổ sung/bổ trợ nêu trên, vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm được công khai tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn/> hoặc Quy tắc và Điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

Dai-ichi Life Việt Nam sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm thuộc một trong các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản của các sản phẩm đã tham gia. Khách hàng vui lòng tham khảo thông tin tóm tắt Điều khoản loại trừ bảo hiểm tại Tài liệu giới thiệu sản phẩm và tham khảo nội dung chi tiết tại Quy tắc và Điều khoản của từng sản phẩm:

| SẢN PHẨM BẢO HIỂM AN PHÚC HƯNG THỊNH TOÀN DIỆN | |
|--|---|
| • Điều khoản loại trừ bảo hiểm | Tham khảo tại Điều 14 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm. |
| SẢN PHẨM BẢO HIỂM BỔ SUNG/BỔ TRỢ | |
| • Bảo hiểm Tai Nạn Cao Cấp | Tham khảo tại Điều 3 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm. |
| • Bảo hiểm Hỗ Trợ Viện Phí | Tham khảo tại Điều 3 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm. |

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm các Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm được công khai tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn/> hoặc Quy tắc và Điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

AN PHÚC HƯNG THỊNH TOÀN DIỆN

LỰA CHỌN 1: THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẰNG THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Bảng minh họa Quyền lợi bảo hiểm (Sản phẩm chính) (1)

Đơn vị tính: nghìn đồng

| Năm hợp đồng | Tuổi | Các giá trị đảm bảo | | | | Các giá trị ước tính | | | Quyền lợi tiền mặt định kỳ đảm bảo | Tiền lãi nếu Quyền lợi tiền mặt định kỳ để lại công ty (4) | Tổng Quyền lợi tiền mặt định kỳ tích lũy (5) |
|----------------|------|-------------------------------|--|------------------|----------------------|--|------------------|----------------------|------------------------------------|--|--|
| | | Tổng phí bảo hiểm đã đóng (2) | Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết là 3%/năm cho 5 năm đầu của Hợp đồng bảo hiểm, 2%/năm từ năm thứ 6 đến năm thứ 10 và 1%/năm cho những năm còn lại | | | Giá trị minh họa tại mức lãi suất 4,6%/năm (*) | | | | | |
| | | | Quyền lợi tử vong | Giá trị hợp đồng | Giá trị hoàn lại (3) | Quyền lợi tử vong | Giá trị hợp đồng | Giá trị hoàn lại (3) | | | |
| 1 | 30 | 48.180 | 1.000.000 | 23.116 | | 1.000.000 | 23.488 | | | | |
| 2 | 31 | 96.360 | 1.000.000 | 51.947 | | 1.000.000 | 53.156 | | | | |
| 3 | 32 | 144.540 | 1.000.000 | 86.646 | 17.329 | 1.000.525 | 89.271 | 17.854 | 7.227 | 7.227 | |
| 4 | 33 | 192.720 | 1.000.000 | 124.906 | 37.472 | 1.001.411 | 129.609 | 38.883 | | 253 | 7.480 |
| 5 | 34 | 240.900 | 1.000.000 | 166.827 | 66.731 | 1.003.013 | 174.359 | 69.744 | | 515 | 7.742 |
| 6 | 35 | 289.080 | 1.000.000 | 210.440 | 105.220 | 1.006.640 | 223.720 | 111.860 | 7.227 | 786 | 15.240 |
| 7 | 36 | 337.260 | 1.000.000 | 257.410 | 154.446 | 1.012.302 | 277.913 | 166.748 | | 1.319 | 15.773 |
| 8 | 37 | 385.440 | 1.000.000 | 307.806 | 215.464 | 1.020.552 | 337.166 | 236.016 | | 1.871 | 16.325 |
| 9 | 38 | 433.620 | 1.000.000 | 359.236 | 287.389 | 1.031.968 | 399.196 | 319.357 | 14.454 | 2.443 | 31.351 |
| 10 | 39 | 481.800 | 1.000.000 | 411.719 | 329.375 | 1.041.934 | 464.137 | 371.309 | | 3.540 | 32.448 |
| 11 | 40 | 529.980 | 1.000.000 | 460.710 | 368.568 | 1.057.142 | 532.138 | 425.711 | | 4.676 | 33.584 |
| 12 | 41 | 578.160 | 1.000.000 | 510.221 | 408.177 | 1.074.516 | 603.365 | 482.692 | 14.454 | 5.851 | 49.213 |
| 13 | 42 | 626.340 | 1.000.000 | 560.263 | 448.210 | 1.094.184 | 677.993 | 542.394 | | 7.574 | 50.936 |
| 14 | 43 | 674.520 | 1.000.000 | 610.853 | 488.683 | 1.116.287 | 756.212 | 604.970 | | 9.356 | 52.718 |
| 15 | 44 | 722.700 | 1.000.000 | 662.018 | 529.615 | 1.140.976 | 838.238 | 670.590 | 21.681 | 11.201 | 76.244 |
| Đáo hạn | | 722.700 | | 662.018 | | | 838.238 | | 65.043 | 11.201 | 76.244 |

Ghi chú:

- (1) Bảng minh họa này dựa trên giả định:
- Phí bảo hiểm đóng theo định kỳ hàng năm; Quyền lợi tử vong, Quyền lợi tiền mặt định kỳ, Giá trị hợp đồng và Giá trị hoàn lại minh họa có thể sẽ khác đối với những định kỳ đóng phí khác.
 - (2) Tổng phí bảo hiểm đã đóng là tổng phí bảo hiểm đóng theo định kỳ phí năm và không bao gồm phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung/bổ trợ.
 - (3) Giá trị hoàn lại là số tiền Bên mua bảo hiểm sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trong thời gian hợp đồng có hiệu lực. Khách hàng chỉ nhận Giá trị hoàn lại khi Hợp đồng bảo hiểm đã có giá trị hoàn lại. Giá trị hoàn lại được minh họa với mức lãi suất cam kết chỉ được đảm bảo vào cuối mỗi Năm hợp đồng tương ứng. Giá trị hoàn lại không bao gồm Quyền lợi tiền mặt định kỳ phát sinh. Khách hàng có thể tham khảo thêm thông tin về Giá trị hoàn lại trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
Giá trị hoàn lại bằng Giá trị hợp đồng trừ đi Chi phí chấm dứt hợp đồng trước hạn. Khách hàng vui lòng tham khảo Chi phí chấm dứt hợp đồng trước hạn tại Phụ lục Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
 - (4) Các khoản Quyền lợi tiền mặt định kỳ nếu để lại Công ty sẽ được hưởng lãi suất theo tỷ lệ do Dai-ichi Life Việt Nam quy định tại từng thời điểm (tạm tính tại Tài liệu minh họa bán hàng này là 3,5%/năm).
 - (5) Tổng quyền lợi tiền mặt định kỳ tích lũy ước tính nêu trên dựa trên giả thiết các khoản Quyền lợi tiền mặt định kỳ được để lại Dai-ichi Life Việt Nam đến thời điểm đáo hạn.
- (*) Lãi suất thực tế sẽ được công bố vào mỗi đầu tháng dương lịch tại trang thông tin điện tử chính thức của Dai-ichi Life Việt Nam**

AN PHÚC HƯNG THỊNH TOÀN DIỆN

LỰA CHỌN 2: THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ NGẮN HẠN (BẢNG 2/3 THỜI HẠN HỢP ĐỒNG)

Bảng minh họa Quyền lợi bảo hiểm (Sản phẩm chính) (1)

Đơn vị tính: nghìn đồng

| Năm hợp đồng | Tuổi | Các giá trị đảm bảo | | | Các giá trị ước tính | | | Quyền lợi tiền mặt định kỳ đảm bảo (4a) | Tiền lãi nếu Quyền lợi tiền mặt định kỳ để lại công ty (4b) | Tổng Quyền lợi tiền mặt định kỳ tích lũy (5) | |
|----------------|-------------------|-------------------------------|--|----------------------|--|------------------|----------------------|---|---|--|--------|
| | | Tổng phí bảo hiểm đã đóng (2) | Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết là 3%/năm cho 5 năm đầu của Hợp đồng bảo hiểm, 2%/năm từ năm thứ 6 đến năm thứ 10 và 1%/năm cho những năm còn lại | | Giá trị minh họa tại mức lãi suất 4,6%/năm (*) | | | | | | |
| | Quyền lợi tử vong | | Giá trị hợp đồng | Giá trị hoàn lại (3) | Quyền lợi tử vong | Giá trị hợp đồng | Giá trị hoàn lại (3) | | | | |
| 1 | 30 | 64.560 | 1.000.000 | 38.228 | 1.000.000 | 38.833 | | | | | |
| 2 | 31 | 129.120 | 1.000.000 | 84.340 | 1.000.000 | 86.296 | | | | | |
| 3 | 32 | 193.680 | 1.000.000 | 138.559 | 27.712 | 1.000.843 | 142.774 | 28.555 | 7.227 | 7.227 | |
| 4 | 33 | 258.240 | 1.000.000 | 197.807 | 59.342 | 1.002.251 | 205.309 | 61.593 | | 253 | 7.480 |
| 5 | 34 | 322.800 | 1.000.000 | 265.564 | 106.226 | 1.004.800 | 277.563 | 111.025 | | 515 | 7.742 |
| 6 | 35 | 387.360 | 1.000.000 | 332.166 | 166.083 | 1.010.532 | 353.230 | 176.615 | 7.227 | 786 | 15.240 |
| 7 | 36 | 451.920 | 1.000.000 | 400.178 | 240.107 | 1.019.380 | 432.478 | 259.487 | | 1.319 | 15.773 |
| 8 | 37 | 516.480 | 1.000.000 | 469.632 | 328.743 | 1.032.095 | 515.482 | 360.838 | | 1.871 | 16.325 |
| 9 | 38 | 581.040 | 1.000.000 | 540.564 | 432.452 | 1.049.494 | 602.432 | 481.946 | 14.454 | 2.443 | 31.351 |
| 10 | 39 | 645.600 | 1.000.000 | 613.013 | 490.410 | 1.064.414 | 693.530 | 554.824 | | 3.540 | 32.448 |
| 11 | 40 | | 1.000.000 | 618.180 | 556.362 | 1.095.856 | 724.686 | 652.218 | | 4.676 | 33.584 |
| 12 | 41 | | 1.000.000 | 623.339 | 561.005 | 1.120.570 | 757.306 | 681.576 | 14.454 | 5.851 | 49.213 |
| 13 | 42 | | 1.000.000 | 628.481 | 565.633 | 1.146.687 | 791.467 | 712.320 | | 7.574 | 50.936 |
| 14 | 43 | | 1.000.000 | 633.597 | 570.237 | 1.174.291 | 827.253 | 744.528 | | 9.356 | 52.718 |
| 15 | 44 | | 1.000.000 | 638.681 | 574.813 | 1.203.472 | 864.760 | 778.284 | 21.681 | 11.201 | 76.244 |
| Đáo hạn | | 645.600 | | 638.681 | | 864.760 | | 65.043 | 11.201 | 76.244 | |

Ghi chú:

- (1) *Bảng minh họa này dựa trên giả định:
- Phí bảo hiểm đóng theo định kỳ hàng năm; Quyền lợi tử vong, Quyền lợi tiền mặt định kỳ, Giá trị hợp đồng và Giá trị hoàn lại minh họa có thể sẽ khác đối với những định kỳ đóng phí khác.*
 - (2) *Tổng phí bảo hiểm đã đóng là tổng phí bảo hiểm đóng theo định kỳ phí năm, thời hạn đóng phí bằng 2/3 thời hạn hợp đồng; và không bao gồm sản phẩm bổ sung/bổ trợ.*
 - (3) *Giá trị hoàn lại là số tiền Bên mua bảo hiểm sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trong thời gian hợp đồng có hiệu lực. Khách hàng chỉ nhận Giá trị hoàn lại khi Hợp đồng bảo hiểm đã có giá trị hoàn lại. Giá trị hoàn lại được minh họa với mức lãi suất cam kết chỉ được đảm bảo vào cuối mỗi Năm hợp đồng tương ứng. Giá trị hoàn lại không bao gồm Quyền lợi tiền mặt định kỳ phát sinh. Khách hàng có thể tham khảo thêm thông tin về Giá trị hoàn lại trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
Giá trị hoàn lại bằng Giá trị hợp đồng trừ đi Chi phí chấm dứt hợp đồng trước hạn. Khách hàng vui lòng tham khảo Chi phí chấm dứt hợp đồng trước hạn tại Phụ lục Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.*
 - (4a) *Quyền lợi tiền mặt của thời hạn đóng phí ngắn hạn có thời hạn chi trả và giá trị tương đương giá trị của quyền lợi tiền mặt định kỳ của thời hạn đóng phí bằng thời hạn hợp đồng.*
 - (4b) *Các khoản Quyền lợi tiền mặt định kỳ nếu để lại Công ty sẽ được hưởng lãi suất theo tỷ lệ do Dai-ichi Life Việt Nam quy định tại từng thời điểm (tạm tính là 3,5%/năm).*
 - (5) *Tổng quyền lợi tiền mặt định kỳ tích lũy ước tính nêu trên dựa trên giả thiết các khoản Quyền lợi tiền mặt định kỳ được để lại Dai-ichi Life Việt Nam đến thời điểm đáo hạn.*
- (* Lãi suất thực tế sẽ được công bố vào mỗi đầu tháng dương lịch tại trang thông tin điện tử chính thức của Dai-ichi Life Việt Nam**

AN PHÚC HƯNG THỊNH TOÀN DIỆN

LỰA CHỌN 3: THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ NGẮN HẠN (BẢNG 1/3 THỜI HẠN HỢP ĐỒNG)

Bảng minh họa Quyền lợi bảo hiểm (Sản phẩm chính) (1)

Đơn vị tính: nghìn đồng

| Năm hợp đồng | Tuổi | Các giá trị đảm bảo | | | | Các giá trị ước tính | | | Quyền lợi tiền mặt định kỳ đảm bảo (4a) | Tiền lãi nếu Quyền lợi tiền mặt định kỳ để lại công ty (4b) | Tổng Quyền lợi tiền mặt định kỳ tích lũy (5) |
|----------------|------|-------------------------------|--|------------------|----------------------|--|------------------|----------------------|---|---|--|
| | | Tổng phí bảo hiểm đã đóng (2) | Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết là 3%/năm cho 5 năm đầu của Hợp đồng bảo hiểm, 2%/năm từ năm thứ 6 đến năm thứ 10 và 1%/năm cho những năm còn lại | | | Giá trị minh họa tại mức lãi suất 4,6%/năm (*) | | | | | |
| | | | Quyền lợi tử vong | Giá trị hợp đồng | Giá trị hoàn lại (3) | Quyền lợi tử vong | Giá trị hợp đồng | Giá trị hoàn lại (3) | | | |
| 1 | 30 | 116.600 | 1.000.000 | 88.489 | 1.000.000 | 89.876 | | | | | |
| 2 | 31 | 233.200 | 1.000.000 | 185.812 | 1.000.000 | 190.163 | | | | | |
| 3 | 32 | 349.800 | 1.000.000 | 292.225 | 58.445 | 1.001.822 | 301.337 | 60.267 | 7.227 | 7.227 | |
| 4 | 33 | 466.400 | 1.000.000 | 414.032 | 124.210 | 1.004.798 | 430.024 | 129.007 | | 253 | 7.480 |
| 5 | 34 | 583.000 | 1.000.000 | 539.690 | 215.876 | 1.010.062 | 564.843 | 225.937 | | 515 | 7.742 |
| 6 | 35 | | 1.000.000 | 549.622 | 302.292 | 1.022.216 | 590.014 | 324.508 | 7.227 | 786 | 15.240 |
| 7 | 36 | | 1.000.000 | 559.736 | 363.828 | 1.036.805 | 616.359 | 400.633 | | 1.319 | 15.773 |
| 8 | 37 | | 1.000.000 | 570.028 | 427.521 | 1.055.428 | 643.932 | 482.949 | | 1.871 | 16.325 |
| 9 | 38 | | 1.000.000 | 580.496 | 493.421 | 1.078.450 | 672.790 | 571.871 | 14.454 | 2.443 | 31.351 |
| 10 | 39 | | 1.000.000 | 591.133 | 502.463 | 1.095.081 | 702.993 | 597.544 | | 3.540 | 32.448 |
| 11 | 40 | | 1.000.000 | 596.027 | 536.424 | 1.124.724 | 734.609 | 661.148 | | 4.676 | 33.584 |
| 12 | 41 | | 1.000.000 | 600.904 | 540.814 | 1.150.128 | 767.713 | 690.942 | 14.454 | 5.851 | 49.213 |
| 13 | 42 | | 1.000.000 | 605.756 | 545.180 | 1.176.965 | 802.384 | 722.145 | | 7.574 | 50.936 |
| 14 | 43 | | 1.000.000 | 610.572 | 549.515 | 1.205.323 | 838.708 | 754.837 | | 9.356 | 52.718 |
| 15 | 44 | | 1.000.000 | 615.346 | 553.811 | 1.235.294 | 876.784 | 789.105 | 21.681 | 11.201 | 76.244 |
| Đáo hạn | | 583.000 | | 615.346 | | 876.784 | | | 65.043 | 11.201 | 76.244 |

Ghi chú:

- (1) Bảng minh họa này dựa trên giả định:
- Phí bảo hiểm đóng theo định kỳ hàng năm; Quyền lợi tử vong, Quyền lợi tiền mặt định kỳ, Giá trị hợp đồng và Giá trị hoàn lại minh họa có thể sẽ khác đối với những định kỳ đóng phí khác.
 - (2) Tổng phí bảo hiểm đã đóng là tổng phí bảo hiểm đóng theo định kỳ phí năm, thời hạn đóng phí bằng 1/3 thời hạn hợp đồng; và không bao gồm sản phẩm bổ sung/bổ trợ.
 - (3) Giá trị hoàn lại là số tiền Bên mua bảo hiểm sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trong thời gian hợp đồng có hiệu lực. Khách hàng chỉ nhận Giá trị hoàn lại khi Hợp đồng bảo hiểm đã có giá trị hoàn lại. Giá trị hoàn lại được minh họa với mức lãi suất cam kết chỉ được đảm bảo vào cuối mỗi Năm hợp đồng tương ứng. Giá trị hoàn lại không bao gồm Quyền lợi tiền mặt định kỳ phát sinh. Khách hàng có thể tham khảo thêm thông tin về Giá trị hoàn lại trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
Giá trị hoàn lại bằng Giá trị hợp đồng trừ đi Chi phí chấm dứt hợp đồng trước hạn. Khách hàng vui lòng tham khảo Chi phí chấm dứt hợp đồng trước hạn tại Phụ lục Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
 - (4a) Quyền lợi tiền mặt của thời hạn đóng phí ngắn hạn có thời hạn chi trả và giá trị tương đương giá trị của quyền lợi tiền mặt định kỳ của thời hạn đóng phí bằng thời hạn hợp đồng.
 - (4b) Các khoản Quyền lợi tiền mặt định kỳ nếu để lại Công ty sẽ được hưởng lãi suất theo tỷ lệ do Dai-ichi Life Việt Nam quy định tại từng thời điểm (tạm tính là 3,5%/năm).
 - (5) Tổng quyền lợi tiền mặt định kỳ tích lũy ước tính nêu trên dựa trên giả thiết các khoản Quyền lợi tiền mặt định kỳ được để lại Dai-ichi Life Việt Nam đến thời điểm đáo hạn.
- (* Lãi suất thực tế sẽ được công bố vào mỗi đầu tháng dương lịch tại trang thông tin điện tử chính thức của Dai-ichi Life Việt Nam**

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Tôi ký tên dưới đây xác nhận:

- 1- Tôi đã được tư vấn, giải thích chi tiết, đã đọc và hiểu rõ Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm, điều khoản loại trừ, quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, cũng như các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa bán hàng này và tôi xác nhận không có bất kỳ thắc mắc, đề nghị làm rõ nào đối với nội dung tại Tài liệu minh họa bán hàng đã nêu trên.
- 2 - Tôi đã hiểu rõ rằng:
 - Bên mua bảo hiểm cần tuân thủ các quy định tại Hợp đồng bảo hiểm để bảo đảm quyền và lợi ích của mình, đặc biệt là nghĩa vụ về đóng phí và kê khai thông tin đầy đủ, chính xác và trung thực theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản.
 - Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm có trách nhiệm cung cấp thông tin chính xác và đầy đủ theo yêu cầu của Dai-ichi Life Việt Nam khi tham gia bảo hiểm/khôi phục hiệu lực/điều chỉnh hợp đồng. Nếu Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác khi tham gia bảo hiểm, khôi phục hiệu lực, điều chỉnh Hợp đồng bảo hiểm thì Dai-ichi Life Việt Nam có quyền hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm và không chi trả Quyền lợi bảo hiểm.
 - Bên mua bảo hiểm phải đóng phí đầy đủ và đúng thời hạn. Nếu đóng phí không đầy đủ, không đúng hạn có thể dẫn đến Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực. Khi Bên mua bảo hiểm khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm, Dai-ichi Life Việt Nam có quyền chấp nhận hoặc từ chối khôi phục nếu Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm không thỏa điều kiện tham gia bảo hiểm.
 - Hợp đồng bảo hiểm An Phúc Hưng Thịnh Toàn Diện là một cam kết dài hạn. Bên mua bảo hiểm không nên chấm dứt/hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn vì có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.
- 3- Tôi đã hiểu rõ đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm trong Tài liệu minh họa bán hàng này.
- 4- Tôi tự nguyện và đồng ý tham gia (các) sản phẩm này.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

Tôi ký tên dưới đây xác nhận và cam kết đã giải thích trung thực, đầy đủ và đã tư vấn cho Bên mua bảo hiểm có tên nêu bên về chi tiết của Tài liệu minh họa bán hàng này cũng như các nội dung của Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

Lưu ý: Trường hợp Yêu cầu bảo hiểm nhân thọ được nộp bằng hệ thống nộp Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm trực tuyến, Bên mua bảo hiểm và đại lý bảo hiểm/nhân viên của đại lý bảo hiểm tổ chức sẽ thực hiện xác nhận Tài liệu minh họa bán hàng này bằng việc ký tại Phiếu Xác nhận Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm dữ liệu điện tử, thay vì ký tại Tài liệu này.

Ngày ký: ____/____/____

Ngày ký: ____/____/____

Chữ ký: _____

Chữ ký: _____

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn
A

Đại lý bảo hiểm: Product
Dummy Agent

Mã số đại lý: 158424

Tài liệu minh họa bán hàng của sản phẩm bảo hiểm này chỉ có giá trị khi có đầy đủ các trang và các trang có cùng số tài liệu minh họa.

Đại lý bảo hiểm: Product Dummy Agent

Ngày: 28/06/2024 10:39:11

Version: w2.2.2

Mã số đại lý: 158424

Số tài liệu minh họa: 158424-240610723

Trang 15/15